

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: **40/2020/HS-ST**

Ngày 06-8-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường

2. Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Cán bộ Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2020/QĐXXST-HS ngày 24/7/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thu T**, sinh ngày 22/12/1988; ĐKNKTT: Tổ 12, Chùa L, phường C, quận H, TP. Hà Nội; hiện là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại đội 18, phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong - Cục C10, Bộ Công an; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn K và bà Trịnh Thị T; có chồng là Hoàng Đình Tuấn A và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 229/2017/HSST ngày 23/8/2017 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội xử phạt bị cáo 10 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 bị trích xuất và tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt

+ **Bị hại:** Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1990

ĐKHKTT: Ngõ 1, cầu B, xã T, huyện T, TP. Hà Nội

Hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại: Đội 18, phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong - Cục C10, Bộ Công an. (vắng mặt)

+ **Nguyên đơn dân sự:** Trại giam Thanh Phong, Cục C10 - Bộ Công an.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn N1 - Giám thị Trại giam Thanh Phong.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D, cán bộ trại giam (có mặt)

+ **Người làm chứng:**

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu tập C, thị trấn C, huyện N, Thanh Hóa

Nơi công tác: Cán bộ Trại giam Thanh Phong - Cục C10, Bộ Công an

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong - Cục C10, Bộ Công an

3. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Dương Đ, D, huyện G, TP. Hà Nội

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong - Cục C10, Bộ Công an.

Nội dung vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 14/3/2020 tại Phân trại số 01 trại giam Thanh Phong - Cục C10 Bộ Công an, trong khi bị cáo Phạm Thu T cùng với các phạm nhân khác đang học nghề may túi, T nhìn sang phía đối diện thì thấy phạm nhân Nguyễn Thị Thu T1 cũng đang nhìn mình. T cho rằng T1 nhìn mình với thái độ khiêu khích, thách thức nên T đã dùng kéo bấm bằng kim loại dài 11 cm có hai đầu mũi nhọn hình tam giác đi lại phía T1. Tay trái Thủy túm tóc T1 kéo ngược ra phía sau, tay phải cầm kéo đâm nhiều nhát vào vùng mặt khiến T1 bị chấn thương ở mặt và vùng thái dương. Sự việc xảy ra được các phạm nhân và cán bộ quản giáo can ngăn nên T dừng lại. T1 được cán bộ quản giáo đưa xuống khu bệnh xá sơ cứu vết thương rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống để điều trị.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 17/3/2020 thể hiện thương tích của Nguyễn Thị Thu T1 như sau:

- 01 vết rách da, đã được khâu y tế, kích thước dài 1,5cm, chiều hướng từ trái sang phải, cách dưới đuôi mắt trái 01 cm;

- 01 vết rách da, đã được khâu y tế, kích thước dài 0,5cm tại vị trí đuôi mắt phải, chiều hướng từ trên xuống dưới.

- 01 vết rách da, đã được khâu y tế, dài 0,2cm tại vị trí thái dương phải, chiều hướng từ phải sang trái.

- 01 vết rách da, đã được khâu y tế, kích thước dài 0,2cm tại vị trí thái dương phải, cách đuôi lông mày phải 02cm.

- 02 mắt: Mắt phải và mắt trái thâm quầng tụ máu.

Ngày 15/3/2020 Nguyễn Thị Thu Thảo có đơn đề nghị được đi giám định tổn hại sức khỏe.

Ngày 18/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn hại % sức khỏe do thương tích gây ra đối với Nguyễn Thị Thu T1.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 182/2020/TTPY ngày 23/3/2020 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Chấn thương mắt phải; mắt trái gây thương đụng dập mi - nhãn cầu hai mắt; đã được điều trị; hiện còn di chứng tổn thương hai mắt bầm tím mi, xuất huyết kết mạc nhiều; thị lực mắt phải bằng 5/10, mắt trái bằng 4/10: 17%.

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức gò má trái; dưới bờ ngoài mi mắt trái; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức góc đuôi ngoài mắt phải; ; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức thái dương trán phải; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức chân tóc thái dương phải; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Chấn thương mắt trái; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng da vùng quanh mắt trái còn thâm, bầm tím, xuất huyết, biến đổi rối loạn sắc tố da: 01%.

Kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Thị Thu T1 là 28%.

Sau khi được thông báo về nội dung kết luận giám định pháp y về thương tích của bị hại, Phạm Thu T không đồng ý với kết luận giám định và có đơn yêu cầu giám định lại đối với thương tích của T1. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại (lần thứ nhất) tỷ lệ % tổn hại sức khỏe do thương tích gây ra đối với Nguyễn Thị Thu T1.

Tại bản kết luận giám định pháp y lại số 286/2020/TTPY ngày 08/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức gò má trái; dưới bờ ngoài mi mắt trái; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức góc đuôi ngoài mắt phải; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức thái dương trán phải; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức chân tóc thái dương phải; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị; hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương: 0%.

Tại thời điểm giám định pháp y lần thứ nhất về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Thị Thu T1 là 11%.

Vật chứng trong vụ án: 01 kéo cắt chỉ bằng kim loại, chiều dài 11cm, hai đầu mũi kéo nhọn hình tam giác. Hiện được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Phần dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tổn hại về sức khỏe, tinh thần là 15.000.000đồng.

Trại giam Thanh Phong yêu cầu bị cáo hoàn trả các khoản chi phí điều trị cho Nguyễn Thị Thu T1 là 3.483.880đồng.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 25/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công truy tố bị cáo Phạm Thu T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nông Công luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, g, i khoản 1 Điều 134 BLHS); Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt còn lại của bản án trước buộc bị cáo phải chấp hành. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại về tổn thất về tinh thần 15.000.000đ và phải hoàn trả cho trại giam Thanh phong số tiền chi phí điều trị cho bị hại Nguyễn Thị Thu T1. Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy. Về án phí bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần của bị hại và yêu cầu hoàn

trả số tiền của trại giam Thanh Phong bị cáo không bổ sung gì. Nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có tiền để bồi thường.

Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải hoàn trả cho trại giam Thanh Phong 3.483.880đ, số tiền mà trại giam đã bỏ ra chi phí điều trị cho bị hại Nguyễn Thị Thu T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 14/3/2020 tại phân trại số 1 trại giam Thanh Phong - Cục C10 - Bộ Công an, do nhận thức không đúng, vô cớ về cái nhìn của người khác đối với mình. Bị cáo đã dùng dụng cụ lao động là kéo cắt chỉ bằng kim loại, 2 đầu mũi kéo sắc nhọn, hình tam giác đâm nhiều nhát vào vùng mặt và thái dương phạm nhân Nguyễn Thị Thu T1 gây thương tích làm tổn hại 11% sức khỏe. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, g, i khoản 1 Điều 134 BLHS). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như sau: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe người khác, làm mất trật tự, trị an trong khu vực trại giam, ảnh hưởng xấu đến quá trình cải tạo, giáo dục phạm nhân tại trại giam. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt đồng thời góp phần răn đe, giáo dục các phạm nhân khác đang cải tạo tại trại giam.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo

quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51BLHS. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5] Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo; HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần vào việc răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình, động cơ phạm tội để lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước. Bị cáo phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án trước, do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt còn lại buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ chi phí điều trị cho bị hại do trại giam Thanh Phong chi trả theo phiếu thu của bệnh viện, nay trại giam Thanh Phong yêu cầu bị cáo hoàn trả có cơ sở nên chấp nhận. Đối với yêu cầu của bị hại đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại tinh thần là có cơ sở nên chấp nhận mức từ 09 đến 11 tháng lương cơ sở là phù hợp.

[7] Về vật chứng: 01 kéo kim loại là dụng cụ lao động của phạm nhân trại giam Thanh Phong, bị cáo dùng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng, trại giam không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST; phải bồi thường nên phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Thu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, g, i khoản 1 Điều 134 BLHS); Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thu T 36 tháng tù. Tổng hợp phần hình phạt còn lại của bản án số 229/2017/HSST ngày 23/8/2017 của TAND quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội là 06 năm 10 tháng 12 ngày thành hình phạt chung, buộc bị cáo phải chấp hành là 09 năm 10 tháng 12 ngày tù. Hạn tù tính từ ngày Cơ quan điều tra trích xuất tạm giam (11/5/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586 và Điều 590 BLDS: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại

khoản tiền tổn thất về tinh thần tương đương 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000đ (10 tháng x 1.490.000đ = 14.900.000đ) và có nghĩa vụ hoàn trả cho trại giam Thanh Phong Cục - C10 Bộ công an số tiền 3.483.880đ.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 kéo bằng kim loại (Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống ngày 26/6/2020).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST và 919.000đ án phí DSST.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, nguyên đơn dân sự, vắng mặt bị hại. Bị cáo, Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình